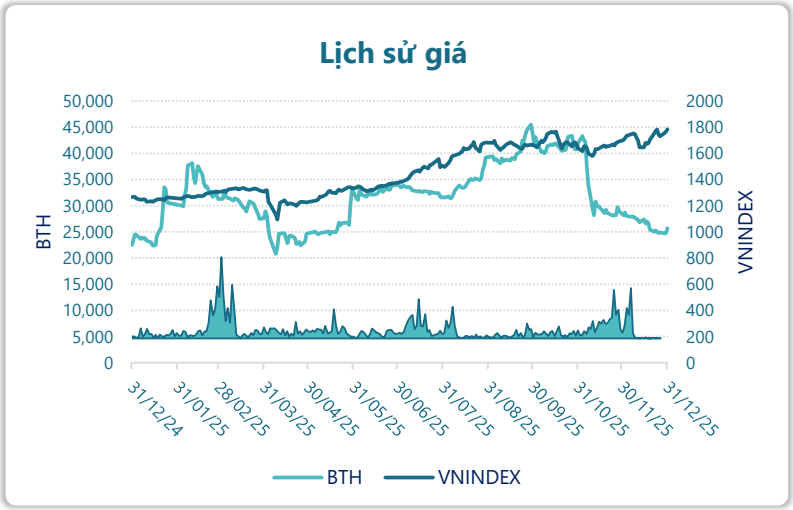
FireAnt

CTCP Chế tạo biến thế và Vật liệu điện Hà Nội (UPCOM: BTH)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**25,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	45,499
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,796
SL cổ phiếu LH	25,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,070
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	643
P/E	3.5
EPS	7,442

DT thuần

Q4/25

250

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 245| 4922%

YoY: ▼134| -35.0%

LN sau thuế

Q4/25

154

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 143| 1329%

YoY: ▼64.0| -29.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

86.5%

+/- YoY: ▲ 37.7%

DT thuần

2025

272

tỷ VNĐ

YoY: ▼1,543| -85.0%

LN sau thuế

2025

186

tỷ VNĐ

YoY: ▼522| -73.7%

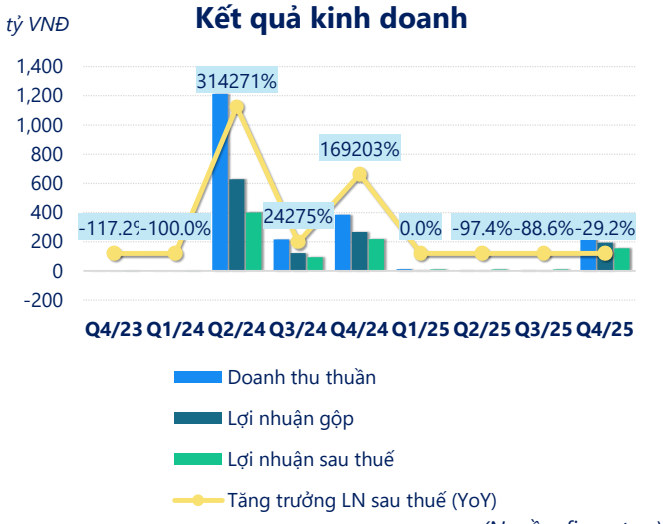
ROE

2025

26.1%

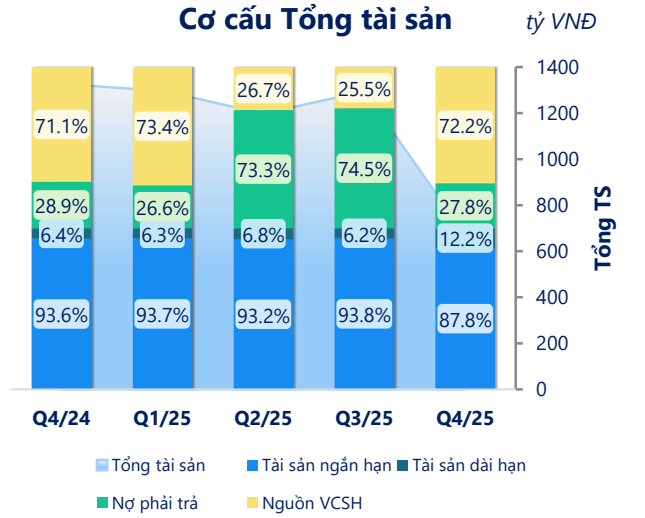
+/- YoY: ▼ 90.2%

Kết quả kinh doanh



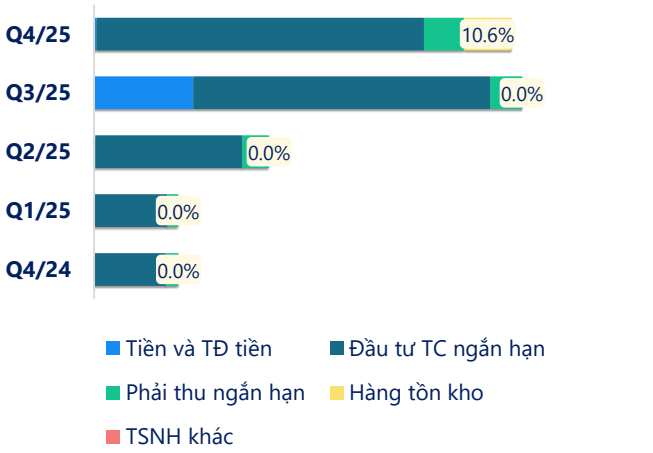
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



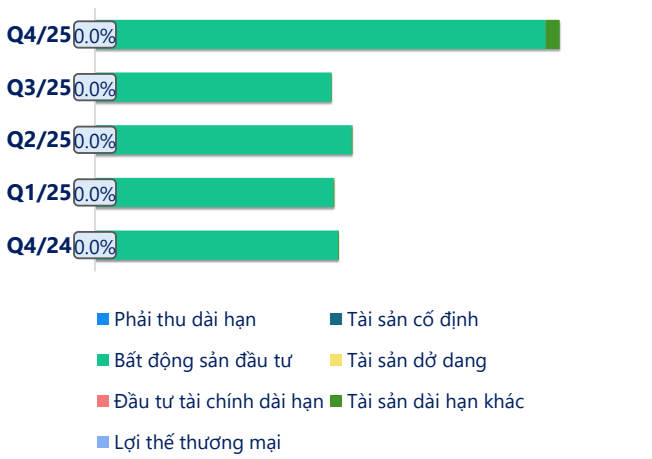
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



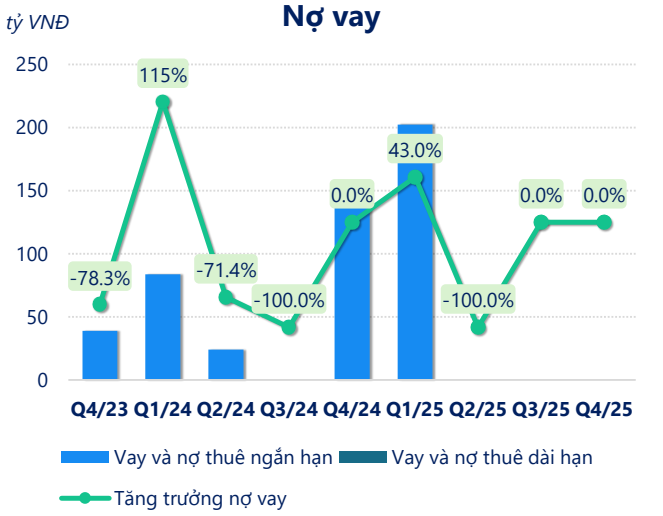
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



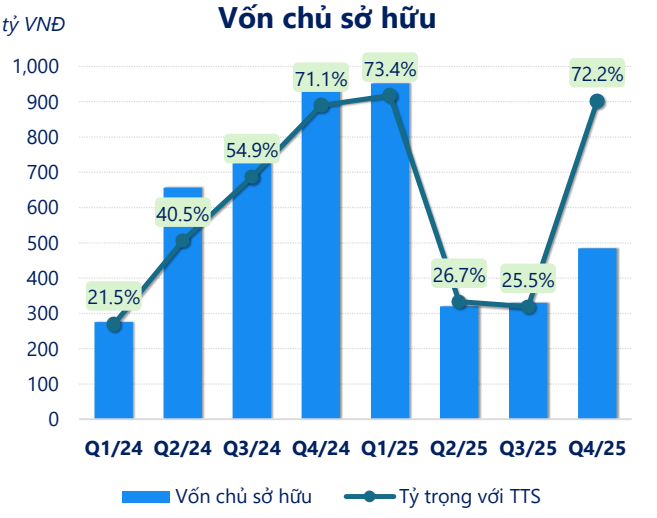
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



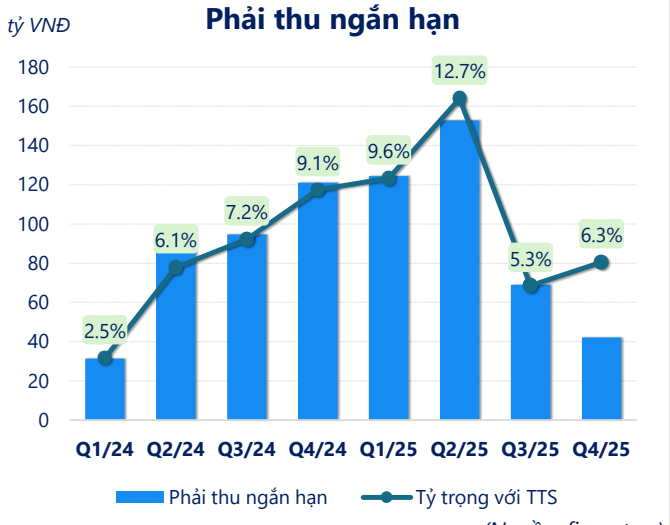
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



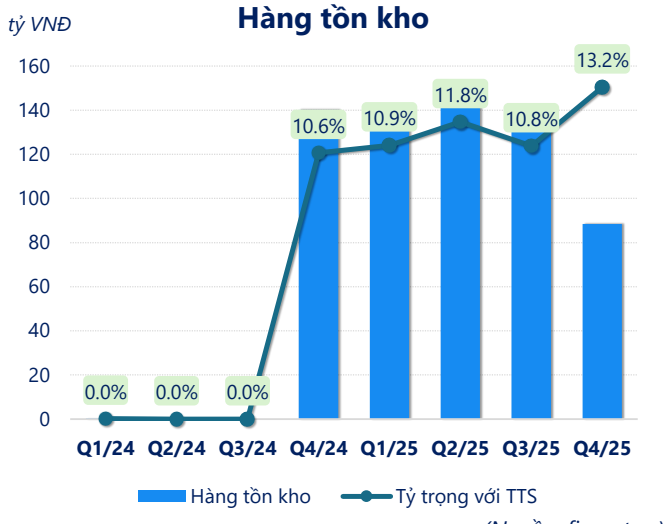
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



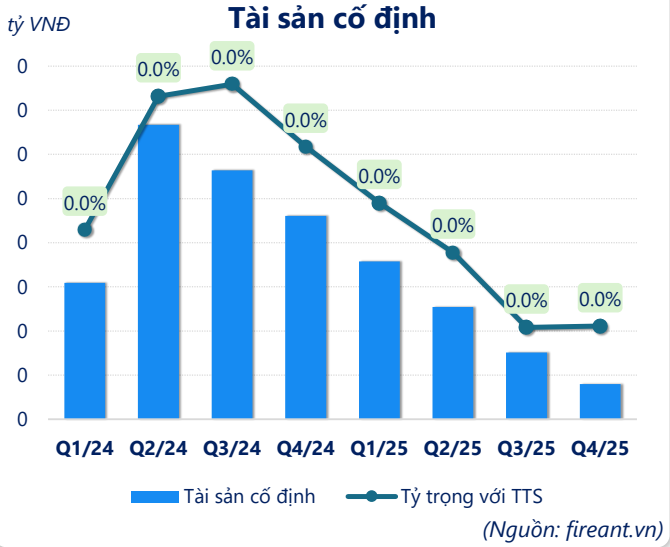
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



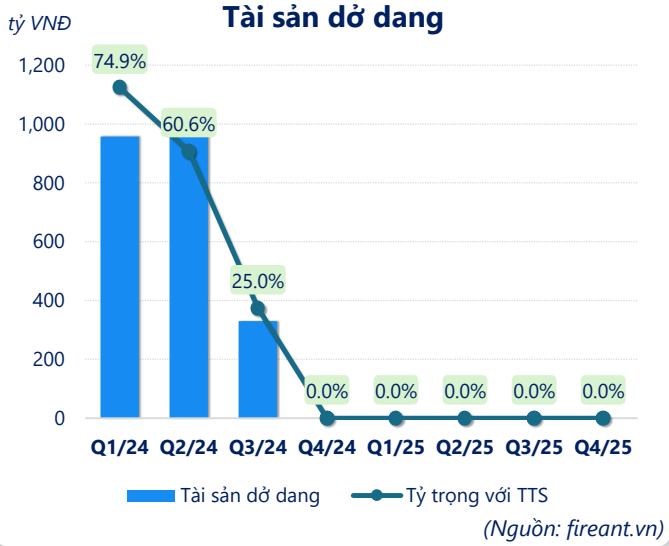
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



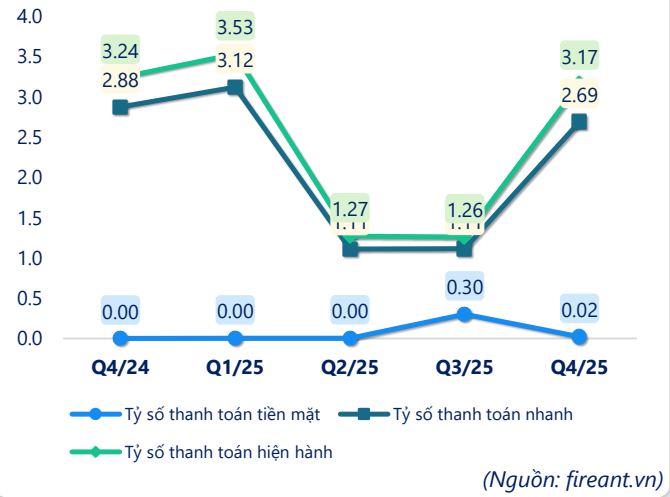
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



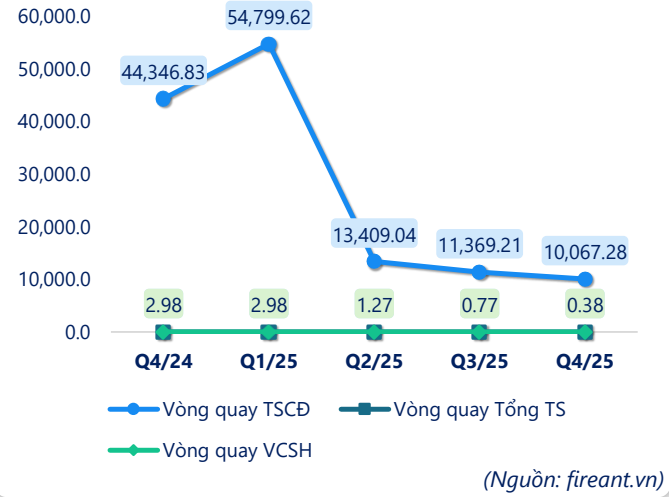
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**1,326**	**1,297**	**1,198**	**1,294**	**672**
Tài sản ngắn hạn	**1,241**	**1,215**	**1,117**	**1,214**	**590**
Tiền và tương đương tiền	0.38	1.04	3.88	290	3.96
Đầu tư tài chính ngắn hạn	980	949	819	715	455
Phải thu ngắn hạn	121	124	153	69.0	42.1
Hàng tồn kho	140	141	141	140	88.4
Tài sản ngắn hạn khác	0.05	0.02	0.01	0.01	0.02
Tài sản dài hạn	**85.2**	**81.8**	**81.2**	**80.7**	**82.2**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	0.05	0.04	0.03	0.02	0.01
Bất động sản đầu tư	84.8	81.4	80.9	80.5	79.7
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.37	0.31	0.25	0.19	2.44
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**383**	**345**	**878**	**964**	**187**
Nợ ngắn hạn	**383**	**344**	**878**	**963**	**186**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	142	202	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	27.7	9.47	8.46	6.45	7.95
Nợ dài hạn	0	0.79	0.79	0.92	0.92
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**943**	**952**	**320**	**330**	**485**
Vốn chủ sở hữu	**943**	**952**	**320**	**330**	**485**
Vốn điều lệ	250	250	250	250	250
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)